

AEC RA ĐỜI: VIỆT NAM SẼ TRỞ THÀNH ĐIỂM ĐẦU TƯ LÝ TƯỞNG HAY THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ CỦA KHU VỰC?

Chu Thị Nhường, Bùi Bảo Ngọc

(Trung tâm Thông tin và Dự báo KTXH Quốc gia - Bộ KH&ĐT)

Tóm tắt

Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) chính thức hình thành vào 2015 sẽ đánh dấu một bước ngoặt quan trọng đối với Việt Nam trong hội nhập toàn diện khu vực. AEC sẽ mang đến nhiều cơ hội trong phát triển kinh tế và sự thịnh vượng đồng thời cũng chứa đựng những thách thức không nhỏ khi nền kinh tế của Việt Nam phải đối mặt với sức ép cạnh tranh lớn từ các nước trong khu vực trong bối cảnh tự do hóa thương mại, vốn đầu tư và lao động. Bằng việc phân tích các yếu tố thuộc môi trường đầu tư, năng lực cạnh tranh của Việt Nam, bài viết chỉ ra rằng trước cơ hội tiếp các dòng vốn đầu tư bên ngoài vào ASEAN, Việt Nam với những lợi thế sẵn có sẽ có khả năng trở thành địa điểm đầu tư lý tưởng trong khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, những hạn chế về năng suất lao động, môi trường kinh doanh còn nhiều bất cập và năng lực cạnh tranh thấp cũng như chưa có thiếu chuẩn bị kỹ càng trước hội nhập, Việt Nam cũng sẽ đối mặt với nguy cơ có thể trở thành vũng trũng tiêu thụ thay vì là nơi tập trung đầu tư phát triển sản xuất.

Từ khoá: ASEAN, AEC, đầu tư

Abstract

ASEAN Economic Community (AEC) officially formed in 2015 marks a milestone of Vietnam's comprehensive integration into the region. AEC will bring opportunities for economic development and prosperity of the country but it also imposes significant challenges when Vietnam's economy faces huge competition from other countries in the context of liberalization of trade, investment and labor. By analyzing the elements of the investment environment, competitive capacity of Vietnam, the paper points out that Vietnam will be potential to become an ideal investment destination in Southeast Asia. However, due to restrictions on labor productivity, business environment and low competitiveness as well as the lack of careful preparation before integration, Vietnam will also face the risk of becoming a sunken pool of consumption instead of a center of investment and production.

Keywords: ASEAN, AEC, investment

Mở đầu

Cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ chính thức được khởi động vào cuối năm 2015. Sự kiện quan trọng này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình hội nhập khu vực một cách toàn diện và sẽ có những tác động nhất định tới nền kinh tế Việt Nam. AEC sẽ tạo ra một khu vực kinh tế ổn định, thịnh vượng và cạnh tranh cao, nơi có sự di chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, di chuyển tự do hơn của các luồng vốn, phát triển kinh tế đồng đều và giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về kinh tế - xã hội¹

¹ Ban thư ký ASEAN (2011), Sổ tay kinh doanh trong cộng đồng kinh tế ASEAN, Jakarta, tháng 11/2011.

Sự ra đời AEC mang lại nhiều lợi ích cho phát triển kinh tế các nước thành viên thông qua việc mở ra một thị trường rộng lớn, xóa bỏ dần các rào cản thuế quan, phi thuế quan. Nhưng cơ hội được trông đợi nhất đối với các nước trong khu vực này là tiếp nhận các nguồn đầu tư sản xuất từ bên ngoài, từ đó, tạo ra nhiều việc làm hơn, tăng cường năng lực sản xuất và tính cạnh tranh. Trong bối cảnh hiện nay khi các hãng công nghệ cao đang tiến hành dịch chuyển đầu tư sản xuất ra khỏi Trung Quốc khi chi phí tiền lương, thuê đất và lạm phát của nước này tăng cao cộng thêm bất ổn trong môi trường kinh doanh, khu vực ASEAN với vị trí địa lý cận kề và đặc điểm kinh tế khá tương đồng sẽ là thời nam châm thu hút các nhà đầu tư. Tuy nhiên, triển vọng tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài là chung cho tất cả các thành viên không riêng gì Việt Nam. Các nhà đầu tư sẽ xem xét các yếu tố để cân nhắc đầu tư phát triển sản xuất một cách tập trung tại những địa điểm thuận lợi nhất về môi trường kinh doanh, tính nhất quán của chính sách, kinh tế vĩ mô ổn định, dồi dào nguồn vốn con người và nguồn nguyên liệu, sau đó vận chuyển sản phẩm đến những vùng khác nhau trong ASEAN. Nếu Việt Nam thỏa mãn được các yêu cầu này thì sẽ có khả năng là trở thành địa điểm đầu tư lý tưởng, công xưởng chung của thế giới trong lĩnh vực công nghệ cao thay vì ở vị trí gia công, tạo giá trị gia tăng thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu như hiện nay.

Bên cạnh các lợi ích, sự hình thành AEC cũng mang lại những thách thức. Với mức giảm thuế sâu giữa các thành viên², việc trao đổi thương mại ngày càng trở nên thuận tiện, hàng hóa của các nước ASEAN sẽ dễ dàng tràn ngập thị trường Việt Nam. Điều này mang lại lợi ích cho người tiêu dùng trong việc lựa chọn các sản phẩm đa dạng và phong phú với giá cả cạnh tranh nhưng cũng sẽ trở thành áp lực đối với các doanh nghiệp trong nước khi phải cạnh tranh bán các sản phẩm ngay tại chính “sân nhà” cũng như cạnh tranh trong xuất khẩu các hàng hóa và dịch vụ với các nước khác trong khu vực. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ tiến hành sản xuất tại các nước trong khu vực nơi có hiệu quả kinh doanh cao hơn và mang các sản phẩm đến trao đổi, mua bán trên thị trường Việt Nam biến nơi này thành “vũng trũng” tiêu thụ.

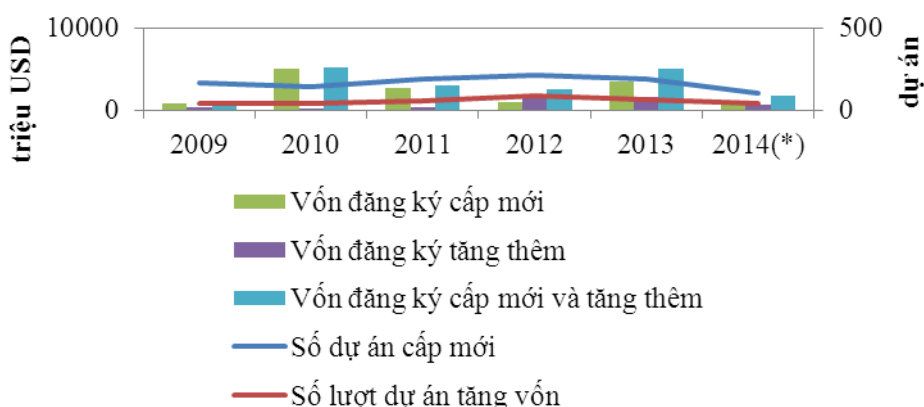
Như vậy, việc ra đời AEC có khả năng đưa Việt Nam trở thành địa điểm tập trung sản xuất, đồng thời cũng đối mặt với việc có thể trở thành thị trường tiêu thụ các sản phẩm của các nước thành viên trong khu vực. Điều này phụ thuộc vào sự nắm bắt cơ hội tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài mà trước hết là khả năng thu hút nguồn FDI chất lượng cao. Để làm được như vậy, hiệu quả kinh doanh sẽ là yếu tố quyết định, và môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh sẽ là những yếu tố chính tác động đến các quyết định đầu tư.

Sức hút FDI vào Việt Nam so với các nước trong khu vực?

Thời gian qua, FDI đã được nhìn nhận như là một trong những trụ cột góp phần vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Những đóng góp của FDI đối với nền kinh tế như : bổ sung nguồn vốn đầu tư, chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo việc làm và phát triển nguồn nhân lực, đồng thời, góp phần thúc đẩy Việt Nam tham gia hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới. Vốn FDI của các nước ASEAN đầu tư vào Việt Nam cũng được cải thiện rõ nét, thậm chí cả trong giai đoạn suy thoái kinh tế toàn cầu. Năm 2013 tổng vốn đầu tư FDI của khu vực ASEAN bao gồm vốn cấp mới và tăng thêm đạt 5,05 tỷ USD, đóng góp 22,4% tổng giá trị vốn FDI đầu tư vào Việt Nam, gấp 4,8 lần so với năm 2009.

² Tính đến tháng 7/2013, Việt Nam đã giảm thuế nhập khẩu cho hơn 10.000 dòng thuế xuống mức 0-5% theo ATIGA, chiếm khoảng 98% số dòng thuế trong biểu thuế.

Hình 1: Dòng vốn FDI của khu vực ASEAN đầu tư vào Việt Nam

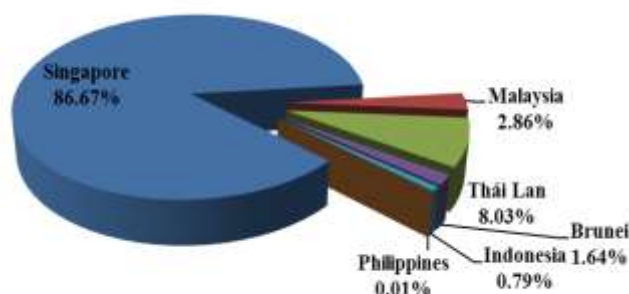


(*) Tính đến tháng 8/2014

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trong khối ASEAN, vốn đầu tư của Singapore vào Việt Nam tăng mạnh, từ vị trí thứ 4 năm 2012 đến nay đã vươn lên vị trí thứ 2 vào năm 2013 trên tổng số 100 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư tại Việt Nam, đóng góp 86,67% (năm 2013) tổng số vốn FDI của khu vực ASEAN và 20,2% tổng số vốn FDI vào Việt Nam. Bên cạnh Singapore, vốn FDI tại Việt Nam cũng đến từ các thành viên khác trong ASEAN nhưng còn khá thấp (ngoài Thái Lan chiếm 1,9%, còn lại đều ở mức dưới 1% trong tổng số vốn FDI tại Việt Nam)

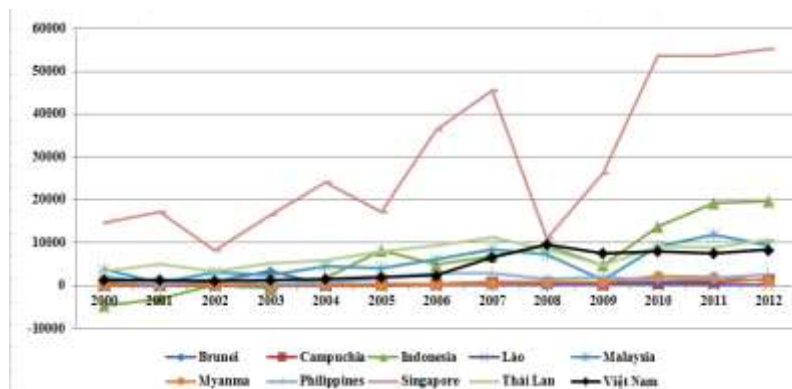
Hình 2: Cơ cấu vốn FDI vào Việt Nam theo các đối tác ASEAN năm 2013



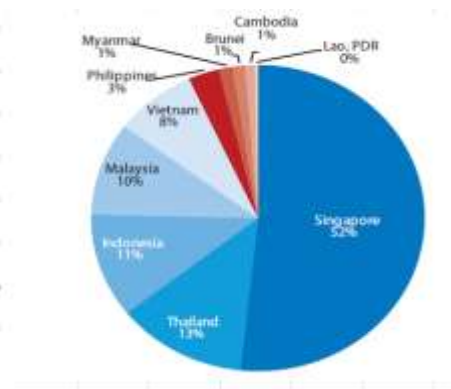
Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Mặc dù đã tăng trưởng nhanh vốn FDI nhưng nếu so với các quốc gia khác trong khu vực, Việt Nam chưa phải là quốc gia nhận được nhiều vốn FDI. Trong tổng số FDI vào ASEAN ượng vốn FDI Việt Nam thu hút được chỉ chiếm khoảng 8%. Singapore là quốc gia nhận được số vốn FDI thu hơn lớn nhất với hơn 50% của tổng số FDI vào khu vực; Thái Lan, Indonesia, và Malaysia, mỗi nước đều chiếm khoảng trên 10%. Các nước còn lại là Phillipine, Bru-nây, Myanma, Campuchia và Lào nhận FDI tương đối thấp, chỉ khoảng dưới 1% trong tổng FDI vào khu vực.

Hình 3: Vốn FDI thu hút vào các nước trong khu vực ASEAN (Đơn vị : Triệu USD)



Hình 4: Tỷ trọng vốn thu hút FDI vào các nước ASEAN giai đoạn 1995-2012



Nguồn: ASEANSecetariat

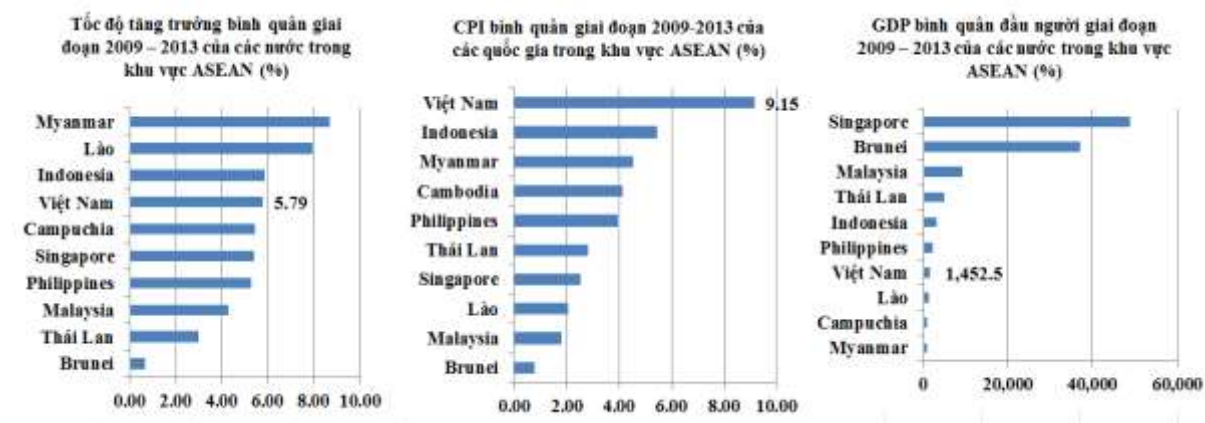
Đáng chú ý là sau khủng hoảng kinh tế thế giới, dòng vốn FDI vào Singapore, Indonexia, Malaysia phục hồi khá mạnh với số vốn thu hút tăng lên nhanh chóng³, trong khi đó, Việt Nam vẫn chưa có sự bứt phá nào đáng kể và dường như đã bớt hấp dẫn trong mắt các nhà đầu tư. Mặt khác, Lào và Campuchia đang nổi lên trở thành đối thủ cạnh tranh mới trong thu hút vốn FDI bên cạnh các quốc gia vốn có như Thái Lan, Indonexia, Malaysia (Campuchia đang có những ưu đãi cao đối với các nhà đầu tư, cho phép sở hữu nước ngoài 100% ở hầu hết các ngành - là quốc gia cởi mở nhất trong khu vực). Kết quả khảo sát 1609 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam (2013) của Dự án Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cho thấy 54% doanh nghiệp FDI, trước khi lựa chọn Việt Nam, đã từng cân nhắc đầu tư vào nước khác, và địa điểm chủ yếu được nhắc tới là Thái Lan (10,6%) và Campuchia (7,7%). Trong khi năm 2011 và 2012, tỷ lệ này chỉ khoảng 32%. Các nước này cũng là đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư sản xuất (trong tổng vốn FDI vào khu vực, chiếm 32% là vốn vào lĩnh vực sản xuất và tập trung tại các nước Malaysia, Thái Lan, và Việt Nam).

Cùng với sự nổi lên của đối thủ cạnh tranh, sự sụt giảm trong tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây (một trong những khía cạnh thể hiện sự năng động của nền kinh tế) có khả năng khiến việc thu hút đầu tư khó có thể đạt tăng trưởng cao như giai đoạn trước. Nếu năm 2009, Việt Nam đứng đầu các nước ASEAN về tăng trưởng GDP⁴ thì tính trung bình của cả giai đoạn sau khủng hoảng 2009-2013, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam còn thấp hơn cả Lào, Myanmar và Malaysia, trong khi tăng trưởng lạm phát lại cao hơn hầu hết các nước. Điều này chứng tỏ, hiệu quả chính sách và khả năng bứt phá của Việt Nam thời gian qua vẫn chưa đạt được kết quả tương xứng. Hiện nay, với mục tiêu bình ổn vĩ mô, lạm phát của Việt Nam đã duy trì ở mức thấp nhưng tăng trưởng kinh tế vẫn chậm chạp, sức cầu của toàn nền kinh tế còn yếu. Khả năng nền kinh tế bứt phá và lấy lại tốc độ tăng trưởng cao dường như khá mong

³ Singapore, sau năm 2008, số vốn FDI đã tăng liên tiếp (gấp hơn 2 lần) trong 2 năm 2009 và 2010; năm 2010 Indonexia có số vốn thu hút FDI tăng gấp 2 lần sau khi giảm sâu vào năm 2009 và Malaysia tăng lên tới 6,5 lần so với năm 2009

⁴ Việt Nam tăng trưởng với tốc độ 5.2%/năm, tiếp sau là Indonesia (4.5%), Philippines (1.1%), riêng hai nước có mức tăng trưởng GDP âm là Malaysia (-1.7%), và Thái Lan (-2.2%)

manh. Điều này có nghĩa là sẽ có thêm khó khăn trong cuộc cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài với các quốc gia trong khu vực.



**Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam thường cao, kéo dài và dao động mạnh hơn so với lạm phát ở các nước trong khu vực trong cùng bối cảnh kinh tế thế giới*

Nguồn: ASEANSecetariat

Tuy nhiên, cần nhìn nhận về khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam trong định hướng của chính phủ hiện nay là thu hút dòng vốn FDI có chất lượng để qua đó có thể học hỏi kinh nghiệm quản lý, phương thức kinh doanh, đổi mới về khoa học, công nghệ, ... tạo lên một mạng lưới sản xuất có giá trị gia tăng cao thay vì chỉ tiếp nhận các nguồn vốn thâm dụng lao động, tạo ít giá trị gia tăng. Sự ra đời AEC cùng với việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh sẽ là cơ hội lớn để tạo nên những đột phá trong hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Môi trường đầu tư đã cải thiện nhưng còn hạn chế

Mặc dù đã có sự cải thiện trong môi trường kinh doanh với sự cải cách thủ tục hành chính và điều chỉnh các chính sách nhằm tạo ra những điều kiện tốt cho đầu tư tuy nhiên, môi trường đầu tư còn tồn tại nhiều hạn chế nằm ở kết cấu hạ tầng, vấn đề thể chế, sự chông chéo trong các quy định pháp luật đặc biệt là chế tài, hiệu lực thực thi và vấn đề tham nhũng. Công ty bảo hiểm tài chính công nghiệp có tuổi đời 179 năm - FM Global đã thống kê bảng chỉ số đo độ tin cậy của 130 quốc gia trên toàn thế giới và kết quả là trong năm 2014, Việt Nam đứng thứ 100 trong 130 nước về độ tin cậy của môi trường đầu tư, giảm so với chính mình trong năm 2013 tại vị trí 98. Việt Nam cũng bị tụt hạng ở đánh giá chỉ số Môi trường Kinh doanh do Ngân hàng Thế giới (WB) thực hiện. Năm 2013 xếp Việt Nam ở vị trí 99, tụt 9 bậc so với năm 2011.

Những nỗ lực cải cách hành chính công đã đạt kết quả tích cực nhưng còn chưa thực sự triệt để, việc thực hiện các quy định đó vẫn mất nhiều thời gian, chi phí và nhân lực. Thực tế, cho đến nay, các doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với các vấn đề về tham nhũng liên quan đến việc cấp phép hoạt động và thực hiện kinh doanh tại Việt Nam. Tham nhũng khiến các doanh nghiệp nước ngoài trở nên ngần ngại hơn khi muốn rót vốn vào Việt Nam. Kết quả khảo sát 1609 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam của Dự án Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được công bố gần đây cũng chỉ ra Các doanh nghiệp FDI đều cùng quan điểm là môi trường kinh doanh của Việt Nam kém hấp dẫn hơn nhiều về chi phí không chính thức, gánh nặng thủ tục hành chính, quy định pháp luật, chất lượng dịch vụ hành chính công (giáo dục, y tế) và chất lượng của cơ sở hạ tầng.

Theo đánh giá của tổ chức Minh bạch quốc tế, Việt Nam nằm trong những nước có tham nhũng nhiều nhất thế giới. Năm 2013, Việt Nam xếp thứ 116 trên 177 quốc gia và vùng lãnh thổ được đánh giá trên thế giới, trong khi các nước khác trong khu vực đều có thứ hạng cao hơn: Malaysia (hạng 50), Philippines (hạng 94), Thái Lan (hạng 102) và Indonesia (hạng 114). Cùng với đó, chỉ số niềm tin FDI5 của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới cũng ở vị trí thấp. Năm 2013, trong khu vực ASEAN, Singapore, Thái Lan, Indonesia, và Malaysia là 4 quốc gia dẫn đầu về chỉ số niềm tin FDI năm 2013, trong khi Việt Nam không nằm trong bảng xếp hạng top 25 quốc gia hấp dẫn FDI. Đáng lo ngại rằng, Việt Nam là quốc gia châu Á duy nhất rớt hạng từ vị trí 12 năm 2010 xuống vị trí 14. Như vậy phần nào phản ánh uy tín của Việt Nam đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong những năm gần đây đang giảm. Để giải quyết vấn đề này, Việt Nam không những cần cam kết thực hiện cải cách hành chính trên toàn quốc, đồng thời cần cam kết sẽ nâng cao chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức ở tất cả các cấp.

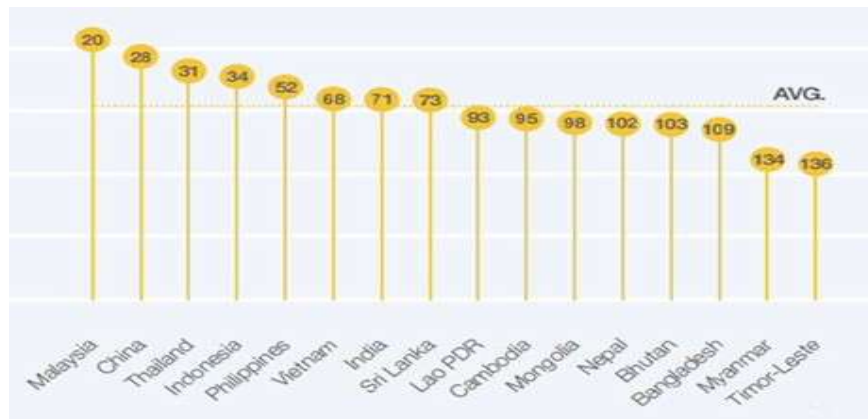
Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp

Không chỉ hạn chế trong môi trường kinh doanh ngăn cản cơ hội để Việt Nam tiếp nhận những dự án đầu tư mang tính tiên phong về công nghệ hoặc quy mô, năng lực cạnh tranh (năng lực quốc gia và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp) yếu cũng là một yếu tố khiếm khuyết lớn.

Mới đây, Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) đã công bố thứ hạng cạnh tranh toàn cầu của 144 nước và vùng lãnh thổ. Theo thang 7 điểm, Việt Nam có điểm cạnh tranh GCI là 4,23 đứng thứ 68, sau 5 nước ASEAN là Singapore 2; Malaysia 20; Thái Lan 31; Indonesia 34 và Philippin 52. Đáng chú ý là ở nhóm các chỉ số thành phần, Việt Nam cũng có xếp hạng không mấy cải thiện. Lĩnh vực thể chế được xem là khâu đột phá chiến lược, nhưng thứ hạng còn kém, chỉ đứng thứ 92 trên thế giới, và xếp thứ 6 trong ASEAN, còn được xếp kém cả Lào (thứ 63); Philippines (thứ 67); Thái Lan (thứ 84), và chỉ hơn Campuchia (thứ 119) và Myanmar (thứ 127). Đặc biệt, Việt Nam có xếp hạng rất thấp ở các trụ cột hiệu quả sử dụng nguồn lực⁶, sự tinh xảo của kinh doanh và đổi mới công nghệ sáng tạo. Theo đánh giá này tình hình tại Việt Nam được cho gần như không đổi so với năm ngoái trong khi các nước trong khu vực đã cải thiện rõ rệt. Nếu Việt Nam không nỗ lực hơn, khoảng cách phát triển với nhóm các nước đã phát triển trong ASEAN sẽ ngày càng nói rộng, trong thu khoảng cách với các nước cận dưới (Lào, Campuchia) ngày càng thu hẹp khi sức cạnh tranh của các nước này đang dần được cải thiện nhanh chóng.

⁵ Chỉ số niềm tin FDI (FDI Confidence Index) sử dụng dữ liệu từ cuộc khảo sát các giám đốc điều hành cấp cao của các Tập đoàn hàng đầu thế giới. Chỉ số niềm tin FDI của các quốc gia được đánh giá dựa theo sự thay đổi tình hình chính trị và kinh tế.

⁶ Giáo dục cao đẳng (thứ 96/144); Hiệu quả thị trường hàng hóa (thứ 78); Hiệu quả thị trường lao động (thứ 49) do dân số trẻ và ham hiểu biết; Phát triển thị trường tài chính (thứ 90) còn nhiều yếu kém trong tái cơ cấu; Sẵn sàng công nghệ (thứ 99)



Nguồn: WEF (2013)

Sự hội tụ sản xuất tại một địa điểm nhất định không chỉ đòi hỏi môi trường kinh doanh, các cơ chế chính sách tại đó hấp dẫn mà còn phụ thuộc nhiều vào việc xem xét khả năng đáp ứng các nguồn lực đầu vào, mà quan trọng nhất là nguồn nhân lực. Sự dịch chuyển dây chuyền sản xuất và lắp ráp của nhiều hãng sản xuất lớn ra khỏi Trung Quốc cũng một phần do sự tăng giá các yếu tố đầu vào trong khi môi trường vĩ mô của nước này ngày càng bất ổn. Những lợi thế ban đầu tư nguồn nhân công và nguyên liệu giá rẻ tại Việt Nam cũng sẽ dần mất đi khi kinh tế ngày càng phát triển, do đó yếu tố giữ chân và lôi kéo các nhà đầu tư nằm nhiều ở chất lượng nguồn nhân lực.

Nhìn vào năng suất lao động của Việt Nam có thể thấy hiện nay năng suất lao động của Việt Nam tương đối thấp so với các nước trong khu vực. Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) mới đây đã đưa ra nhận định năng suất lao động của người Việt Nam hiện đang ở mức thấp so với các nước ASEAN - 6 (các nước phát triển hơn trong ASEAN) và trong nhóm cuối bảng so với các nước Châu Á - Thái Bình Dương. Năng suất lao động Việt Nam bằng 1/5 lao động Malaysia, 2/5 Thái Lan và 1/15 Singapore. Tuy nhiên, còn nhiều ý kiến chưa thống nhất về cách so sánh này. Nếu hiểu theo nghĩa trực quan, khó có thể có việc 15 công nhân Việt Nam làm việc trong một ngày chỉ tạo ra lượng hàng hóa bằng với một công nhân Singapor bởi theo cách tính của ILO, năng suất lao động của một quốc gia được đo bằng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chia cho tổng số người lao động, thể hiện lượng giá trị gia tăng (tính bằng tiền) tạo ra trong nền kinh tế trên một người lao động. Để có cái nhìn rõ nét hơn có thể bóc tách NSLĐ dưới góc nhìn từ 3 yếu tố: mật độ vốn trên một đơn vị lao động, chất lượng lao động, và năng suất yếu tố tổng hợp (total factor productivity - TFP).

Mật độ vốn trên một đơn vị lao động được hiểu là sự đầu tư về vốn cho một đơn vị lao động, hiểu đơn giản là một công nhân có nhiều công cụ lao động (máy móc, thiết bị,...) sẽ tạo ra nhiều giá trị gia tăng hơn so với một công nhân có ít công cụ lao động hơn. Mật độ vốn cũng phản ánh đặc thù cơ cấu ngành nghề của một quốc gia. Thực tế, mật độ vốn của Việt Nam chỉ bằng khoảng 1/20 Nhật Bản, 1/17 Singapore, và 1/7 Malaysia và chỉ cao hơn chút ít so với Campuchia. Mật độ vốn trên một đơn vị lao động thấp cũng là một nguyên nhân khiến năng suất lao động của Việt Nam thấp.

TFP phản ánh (i) mức độ công nghệ và (ii) các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của nền kinh tế (luật pháp, thể chế kinh tế, khả năng phối thuộc, môi trường kinh doanh, ổn định vĩ mô, chuyên dịch cơ cấu kinh tế, đô thị hóa...). Một ví dụ minh chứng cho vai trò của TFP là, với cùng một nguồn lực về vốn và lao động, việc chuyển từ cơ chế kinh tế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường đã thúc đẩy NSLĐ (và GDP) của Việt Nam tăng

trường nhanh chóng. Bảng 1 chỉ ra mức TFP của Việt Nam trong so sánh với một số nước trong năm 2012 phản ánh mức độ công nghệ và hiệu suất quản lý còn rất khiêm tốn của Việt Nam.

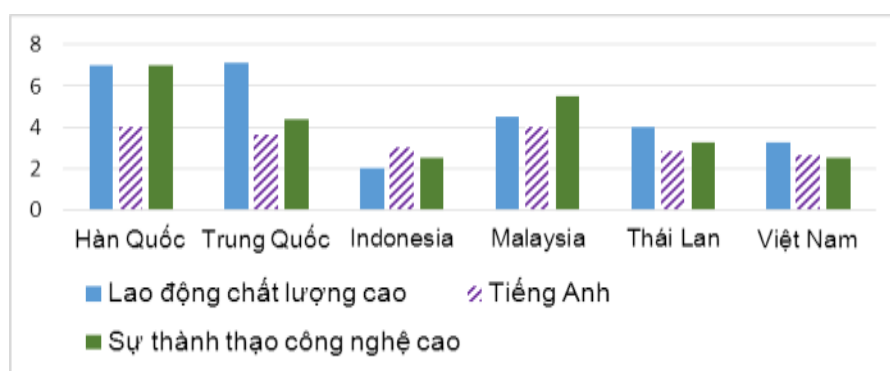
**Bảng 1: Việt Nam trong so sánh với các nước: Mật độ vốn, TFP, NSLĐ (2012)
(Việt Nam=1)**

	NSLĐ	Mật độ vốn	TFP
Nhật Bản	17,3	20	3,5
Singapore	14.1	17.3	3.9
Malaysia	6.8	6.2	3.1
Thái Lan	2.7	2.8	1.8
Philippines	1.8	1.4	1.5
Indonesia	1.7	1	1.4
Việt Nam	1	1	1
Campuchia	0.8	0.5	0.9

Nguồn: Jorgenson & Vu (2011, 2013)

Chất lượng lao động đánh giá các khía cạnh về trình độ, kỹ năng, sức khỏe của người lao động. Chất lượng lao động của Việt Nam cũng được đánh giá là thấp so với nhiều nước trong khu vực. Xét ở các khía cạnh nguồn lao động chất lượng cao, trình độ tiếng anh và sự thành thạo công nghệ cao, Việt Nam còn thấp hơn tương đối so với các nước trên thế giới và trong khu vực (Malaysia, Thái Lan)

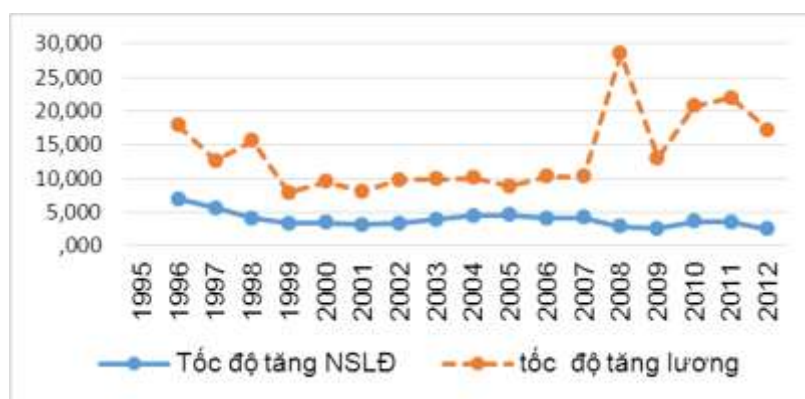
Hình 5: So sánh chất lượng lao động Việt Nam với một số nước trong khu vực



Nguồn: WEF (2010)

Theo lý thuyết, năng suất thấp đi liền với tiền lương thấp bởi tốc độ tăng tiền lương thường chậm hơn tốc độ tăng năng suất. Điều này được coi là lợi thế của các nước đi sau khi chi phí phercho lao động tương đối rẻ. Nhưng thực tế không đơn thuần như vậy. Tiền lương chỉ hấp dẫn khi nó thấp hơn năng suất thực. Tuy nhiên, ở Việt Nam, tiền lương lại có xu hướng tăng nhanh hơn năng suất, làm xói mòn lợi thế lao động giá rẻ.

Hình 6: Tốc độ tăng NSLĐ và tốc độ tăng tiền lương (%)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của GSO theo gốc so sánh 2010

Với những đặc điểm lao động chất lượng thấp đồng nghĩa với tính kém đa dạng của các loại kỹ năng, khả năng sáng tạo cũng như hiệu quả tổ chức, nguy cơ của nền kinh tế chỉ dựa vào lao động giá rẻ và năng suất thấp là rất cao. Bên cạnh đó, việc thiếu chủ động trong chuẩn bị hội nhập càng làm yếu hơn sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam vốn đã thấp.

Thiếu sự chuẩn bị cho hội nhập AEC

Các nước thuộc khối AEC đã có sự chuẩn bị hội nhập từ rất sớm. Theo kết quả điều tra của Trung tâm Nghiên cứu ASEAN, ISEAS có đến 90% doanh nghiệp Malaysia, 81% doanh nghiệp Singapore và hơn 50% doanh nghiệp các nước Đông Nam Á khác đã có sự chuẩn bị sẵn sàng với việc mở nhiều khóa đào tạo bắt buộc nhân viên theo học thêm 1 ngoại ngữ của một trong các nước AEC, nơi sắp đặt cơ sở kinh doanh. Trong khi đó, đến gần 80% doanh nghiệp Việt, chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) vẫn không biết cần phải chuẩn bị gì trước sự kiện gia nhập AEC; dù trên thực tế, 71% DNVVN đã tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Với tình hình này, khi AEC chính thức đi vào hoạt động, doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải đối mặt với những cú sốc lớn không chỉ do năng lực cạnh tranh vốn đã yếu nay còn yếu hơn do thiếu sự chủ động. Điều này khiến cho khả năng Việt Nam đón nhận các cơ hội đầu tư lớn khi hội nhập AEC để trở thành địa điểm hội tụ sản xuất, một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá toàn cầu khó có thể thành hiện thực.

Nguy cơ có thể trở thành thị trường tiêu thụ?

Một khi AEC chính thức ra đời, hàng hóa trong 10 nước của khối ASEAN sẽ được luân chuyển tự do với mức thuế ưu đãi. Việc xóa bỏ hàng rào thuế quan này⁷ sẽ tạo cơ hội để các nhà đầu tư cân nhắc đầu tư phát triển sản xuất một cách tập trung tại những địa điểm thuận lợi, tốn kém ít chi phí sau đó vận chuyển sản phẩm đến những vùng khác nhau trong ASEAN. Như thế, với sự yếu thế về năng lực cạnh tranh đặc biệt là thiếu nguồn lao động có kỹ năng và những hạn chế trong môi trường đầu tư chưa chắc Việt Nam đã là một lựa chọn hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Khi đó, rất có thể sau năm 2015, Việt Nam có nguy cơ trở thành địa bàn để tiêu thụ hàng hóa thay vì là nơi đầu tư phát triển sản xuất.

⁷ Việt Nam cam kết loại bỏ thuế quan có lộ trình đối với 90% số lượng dòng thuế; 10% còn lại có lộ trình giảm thuế kéo dài, thậm chí không giảm xuống bằng 0

Trong khi doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn loay hoay khi đưa hàng tiêu thụ tại thị trường các nước trong khu vực thì thời gian gần đây, hàng hóa từ các nước ASEAN đã ngày càng tiếp cận sâu vào thị trường Việt Nam. Nhiều hội chợ triển lãm sản phẩm Thái Lan, Malaysia đã được tổ chức tại Việt Nam. Các công ty được chính phủ trợ cấp các nước này giúp đến 2/3 chi phí. Ngoài ra, mỗi năm có hơn 10 hội chợ ở Thái Lan dưới sự hỗ trợ tài chính của Chính phủ Thái Lan, mỗi hội chợ cơ quan này đưa từ 5-10 nhà nhập khẩu Việt Nam sang tham gia để tìm nguồn hàng nhập về Việt Nam. Các doanh nghiệp Thái Lan đã hiện diện tại Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, nhưng đặc biệt là những mảng Thái Lan có lợi thế, như nông sản, hàng công nghiệp nhẹ và hệ thống dịch vụ bán lẻ.

Ngược lại với nhiều mặt hàng đến từ các nước ASEAN, đa số hàng hóa của Việt Nam khi xuất khẩu sang các nước trong khu vực lại không tận dụng được thuế suất ưu đãi. Chẳng hạn đối với các sản phẩm mà Việt Nam xuất sang Singapore. Hiện nay, Singapore là đối tác lớn nhất của Việt Nam trong ASEAN, luôn dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu. Các mặt hàng mà Việt Nam xuất khẩu sang Singapore chủ yếu là máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng. Trong khi đó, Malaysia cũng đang xuất khẩu sang Singapore các mặt hàng tương tự như của Việt Nam. Khi mức thuế quan được ưu đãi như nhau, với năng lực công nghệ kém hơn, các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sẽ khó khăn hơn khi giữ vững vị thế trên thị trường Singapore. Với quy mô tiêu dùng cao, thị trường ASEAN kén các sản phẩm chất lượng, rõ nguồn gốc xuất xứ. Khi ASEAN thực hiện tự do thương mại, không chỉ có các sản phẩm từ các nước khác trong ASEAN mà các sản phẩm có chất lượng cao từ các nước phát triển là đối tác thương mại của ASEAN cũng sẽ có nhiều thuận lợi khi thâm nhập thị trường ASEAN. Như vậy, sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang ASEAN sẽ càng gặp khó khăn hơn.

Một số kết luận rút ra

Qua phân tích cho thấy, chặng đường đến với hội nhập AEC vào năm 2015 sẽ mang lại những cơ hội to lớn về tăng trưởng kinh tế và thịnh vượng cho Việt Nam. Tuy nhiên, điều này cũng tạo ra thách thức lớn đối với Việt Nam khi quy mô nền kinh tế còn nhỏ và năng lực cạnh tranh chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, chênh lệch của Việt Nam và các nước ASEAN còn có khoảng cách lớn. Trong bối cảnh khi môi trường đầu tư còn hạn chế, năng lực cạnh tranh yếu, thiếu chủ động trong hội nhập, Việt Nam sẽ chịu sức ép lớn từ các nước láng giềng trong cuộc đua thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có chất lượng cao. Sự tự do dịch chuyển hàng hóa trong nội khối với các rào cản thương mại được gỡ bỏ cũng khiến Việt Nam có khả năng đối mặt với nguy cơ trở thành vùng trũng tiêu thụ thay vì là nơi đầu tư phát triển sản xuất. Trước tình hình này, sự cải cách tái cấu trúc nền kinh tế một cách triệt để nhằm tăng cường hiệu quả sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh đồng thời chủ động chuẩn bị cho hội nhập AEC là rất cần thiết.

Để tham gia hiệu quả vào lộ trình AEC, Việt Nam cần nỗ lực nhiều hơn trong việc cải cách các quy chế, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư. Đồng thời, chính phủ cần có sự hỗ trợ đối với các doanh nghiệp giảm thiểu bớt khó khăn, cắt giảm chi phí đầu vào sản xuất nhằm nâng cao sức cạnh tranh. Đi cùng với các giải pháp cải thiện về môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh, việc tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về AEC cho các doanh nghiệp và công dân trong nước nhằm tham gia hội nhập một chủ động là việc làm không thể thiếu.

Tài liệu tham khảo

1. ASEAN community in figures - ACIF 2013
2. ASEAN investment report 2012 - The changing FDI Landscape.
3. ASEAN statistical yearbook 2013
4. Cục Đầu tư nước ngoài (2013, 2014), Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài từ ASEAN vào Việt Nam
5. WEF (2010, 2013), Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu.
6. Jorgenson, Dale, and Khuong Vu. "The Emergence of the New Economic Order", *Journal of Policy Modeling* 35, no. 3 (2013): 389-399.
7. TS. Nguyễn Xuân Dũng - Đại học Quốc gia Hà Nội - Cơ chế và chính sách kinh tế vĩ mô của ASEAN: Một số thành tựu đạt được trong thời gian qua.
8. VCCI (2013), Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2013